TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN - KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
74	2223240146	Bùi Hoài	An	25/01/2004	02YS15A2	8.0	7.9	7.9		5.2		6.3	Đạt
75	2223240198	Nguyễn Nguyễn Ngọc Hải	Anh	17/08/1999	02YS15A2	7.0	7.0	7.0		5.2		5.9	Đạt
76	2223240266	Hoàng Quế	Anh	21/08/2003	02YS15A2	4.8	0.0	1.6	TBKT	0.0		0.6	Học lại
77	2223180092	Huỳnh Thị Trường	Chinh	13/01/1980	02YS15A2	7.5	6.4	6.8		6.7		6.7	Đạt
78	2223240225	Nguyễn Quốc	Đạt	19/11/2004	02YS15A2	8.0	9.8	9.2		5.2		6.8	Đạt
79	2223240191	Lại Gia	Định	09/08/2004	02YS15A2	6.5	4.8	5.3		7.0		6.3	Đạt
80	2223240223	Hồ Đức	Duy	06/12/2004	02YS15A2	6.5	5.0	5.5		4.2		4.7	Đạt
81	2223180030	Nguyễn Thuỵ Phương	Hằng	19/06/1996	02YS15A2	9.0	6.9	7.6		7.3		7.4	Đạt
82	2223180095	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	04/12/2004	02YS15A2	8.5	8.4	8.4		8.2		8.3	Đạt
83	2223240196	Trần Thanh	Hậu	22/11/2003	02YS15A2	8.0	6.8	7.2		5.2		6.0	Đạt
84	2223240092	Nguyễn Văn	Huy	14/11/2003	02YS15A2	8.0	7.5	7.7		5.2		6.2	Đạt
85	2223240203	Lê Đức	Huy	22/02/2004	02YS15A2	8.0	8.9	8.6		6.2		7.2	Đạt
86	2223240083	Trần Thị Kim	Huyên	15/05/2003	02YS15A2	9.0	9.8	9.5		5.2		6.9	Đạt
87	2223240202	Nguyễn Đăng	Khoa	14/08/2004	02YS15A2	8.5	6.4	7.1		4.5		5.5	Đạt
88	2223180073	Phạm Thị Thuỳ	Linh	27/06/1985	02YS15A2	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
89	2223240226	Lê Thị Khánh	Linh	08/10/2004	02YS15A2	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại

MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN - KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
90	2223240262	Đinh Quang	Minh	23/06/2004	02YS15A2	8.0	9.4	8.9		7.8		8.3	Đạt
91	2223240122	Đặng Thị Diễm	My	20/04/2003	02YS15A2	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
92	2223240200	Dương Hồ Nhật	Nam	31/07/2004	02YS15A2	9.0	8.2	8.4		6.5		7.3	Đạt
93	2223180050	Nguyễn Thị Thúy	Nga	07/03/1985	02YS15A2	9.0	7.8	8.2		8.7		8.5	Đạt
94	2203360279	Nguyễn Khánh	Ngân	21/09/2003	02YS15C2	7.5	8.3	8.0		0.0		3.2	Thi lại
95	2223240073	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	07/03/2003	02YS15A2	8.0	8.7	8.4		5.3		6.6	Đạt
96	2223240195	Đào Tấn	Nhật	27/04/2004	02YS15A2	8.0	8.7	8.4		6.8		7.5	Đạt
97	2223240235	Trịnh Thị Yến	Nhi	30/12/2004	02YS15A2	7.5	7.0	7.2		6.2		6.6	Đạt
98	2223240111	Nguyễn Thị Tố	Như	02/10/2002	02YS15A2	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
99	1223180033	Bành Ngọc Quỳnh	Như	14/06/1997	02YS15A2	4.0	0.0	1.3	TBKT	0.0		0.5	Học lại
100	2223240207	Võ Phan Kiều	Oanh	19/11/2004	02YS15A2	9.0	9.5	9.3		8.0		8.5	Đạt
101	2223180025	Dương Hồng	Phong	05/09/1991	02YS15A2	9.5	8.7	8.9		8.8		8.9	Đạt
102	2223240112	Trần Anh	Quốc	13/07/2002	02YS15A2	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
103	2223240218	Nguyễn Đình	Sơn	01/06/2004	02YS15A2	8.0	8.3	8.2		5.0		6.3	Đạt
104	2223240253	Nguyễn Đăng	Sỹ	23/08/2004	02YS15A2	8.0	8.4	8.3		4.5		6.0	Đạt
105	2223240244	Nguyễn Phước	Tài	16/09/1998	02YS15A2	8.0	8.8	8.5		7.8		8.1	Đạt
106	2223240217	Thái Thị Phương	Tâm	23/04/2004	02YS15A2	9.0	8.3	8.5		5.7		6.8	Đạt
107	2223240139	Lê Thanh	Thiên	19/07/1991	02YS15A2	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại

MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN - KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
108	2223240240	Đặng Thị Lệ	Thu	31/07/2001	02YS15A2	8.5	7.2	7.6		6.3		6.8	Đạt
109	2223240064	Hoàng Nguyễn Kim	Thư	07/05/2003	02YS15A2	8.0	8.5	8.3		8.5		8.4	Đạt
110	2223240216	Võ Thị Hoài	Thương	23/02/2004	02YS15A2	8.5	7.5	7.8		6.3		6.9	Đạt
111	2223240174	Trương Kim	Thùy	08/04/2004	02YS15A2	9.0	8.8	8.8		6.8		7.6	Đạt
112	2223240220	Nguyễn Thị Phương	Thùy	25/11/2004	02YS15A2	8.5	7.3	7.7		7.5		7.6	Đạt
113	2223240028	Trần Tiến	Tới	13/09/2003	02YS15A2	9.0	8.5	8.7		10.0		9.5	Đạt
114	2223180023	Trịnh Thị Thùy	Trang	24/12/1999	02YS15A2	3.2	0.0	1.1	TBKT	0.0		0.4	Học lại
115	2223240065	Nguyễn Ngọc	Trìu	25/04/1998	02YS15A2	8.0	8.7	8.4		6.5		7.3	Đạt
116	2223240182	Nguyễn Hoàng Thanh	Trọng	12/10/2004	02YS15A2	9.0	9.0	9.0		7.7		8.2	Đạt
117	2223240212	Nguyễn Quốc	Trung	01/01/2004	02YS15A2	8.5	5.9	6.8		3.2		4.6	Đạt
118	1223240028	Phạm Thị Thúy	Vân	03/03/1992	02YS15A2	9.0	8.8	8.8		9.8		9.4	Đạt
119	2223240179	Nguyễn Thị Thanh Hải	Ý	29/08/1993	02YS15A2	7.0	8.7	8.1		5.7		6.7	Đạt
120	2223180093	Nguyễn Phương	Thảo	20/11/1998	02YS15A2	8.5	8.7	8.6		8.2		8.4	Đạt
121	2223240291	Trịnh Giang	Thanh	23/08/2001	02YS15A2	8.5	8.7	8.6		7.8		8.1	Đạt
122	2223360590	Thiều Thị Cẩm	Liên	10/11/2004	02YS15C2	8.5	8.2	8.3		6.5		7.2	Đạt